

Số:144/BC- THCS

Cỏ Bì, ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm: 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên nhà trường

Tên trường: Trường Trung học cơ sở Cỏ Bì

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của nhà trường

Địa chỉ trụ sở chính: Khu trường học xã Cỏ Bì huyện Bình Giang tỉnh Hải Dương

Thư điện tử: thcs.cobi1@gmail.com

Trang thông tin điện tử: <http://thescobi.edu.vn/>

3. Loại hình của nhà trường, cơ quan quản lý trực tiếp

- Trường trung học cơ sở Cỏ Bì Hội là loại hình trường công lập do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thành lập và trực tiếp quản lý.
- Cơ quan quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân dân huyện Bình Giang.
- Nguồn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và kinh phí cho chi thường xuyên của trường chủ yếu do ngân sách nhà nước bảo đảm.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường.

4.1. Sứ mệnh

Tạo dựng một môi trường học tập thân thiện, an toàn, có kỷ cương, tình thương trách nhiệm, có chất lượng giáo dục cao để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng, phát huy tính sáng tạo, có kỹ năng sống, biết thích ứng, phát triển tối đa phẩm chất và năng lực cá nhân, trở thành những công dân có ích, góp phần xây

4.2. Tầm nhìn

Đến năm 2030, đạt kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục Cấp độ 3, trường chuẩn quốc gia Mức độ 2.

Tiếp tục củng cố và duy trì vị thế của nhà trường là một trong những đơn vị có phong trào và chất lượng giáo dục cao của thành phố, là địa chỉ tin cậy để các bậc cha mẹ học sinh tin tưởng gửi gắm con em mình học tập, rèn luyện, góp phần xây dựng quê hương đất nước.

Đến năm 2030, phấn đấu đạt được 1 số tiêu chuẩn mức 4 kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục.

4.3. Mục tiêu

Xây dựng và phát triển nhà trường đáp ứng yêu cầu giáo dục của địa phương, đáp ứng yêu cầu đổi mới Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; nâng cao chất lượng giáo dục theo hướng đạt chuẩn chất lượng giáo dục THCS; củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục. Để mỗi học sinh đều có cơ hội học tập và phát triển toàn diện, có khả năng tiếp tục học lên THPT hoặc đi vào cuộc sống lao động. Để đáp ứng được các yêu cầu đó, nhà trường phải tập trung thực hiện các mục tiêu chiến lược sau:

Đổi mới công tác quản lý và quản trị nhà trường.

Xây dựng và phát triển đội ngũ giáo viên, nhân viên.

Đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của từng học sinh.

Chú trọng công tác đào tạo và bồi dưỡng học sinh giỏi; khuyến khích học sinh nghiên cứu khoa học, vận dụng lý thuyết vào thực tiễn; chú trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh.

Xây dựng văn hóa nhà trường.

Huy động các nguồn lực phát triển nhà trường.

a. Giai đoạn 1 (2021-2023)

- Đạt kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục Cấp độ 2, trường chuẩn quốc gia Mức độ 1.

- Có ít nhất có 20% giáo viên đạt tiêu chuẩn dạy giỏi từ cấp huyện trở lên; có 100% giáo viên đạt chuẩn loại khá trở lên theo quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học, trong đó có 30% xếp loại tốt.

- Tỷ lệ học sinh lưu ban hàng năm không quá 2%; trong đó tỷ lệ học sinh bỏ học không quá 1,0%.

- Chất lượng giáo dục Hạnh kiểm:

+ Tốt - Khá: 95% trở lên.

+ Không có học sinh xếp loại hạnh kiểm Yếu/Chưa đạt

- Chất lượng giáo dục Học lực:

+ Giỏi - Khá: 65% trở lên. + Trung bình/Đạt trở lên: 98%.

- Tỷ lệ học sinh lên lớp hàng năm: 98% trở lên

- Tốt nghiệp THCS hàng năm: 98% trở lên.

- Tỷ lệ học sinh bỏ học: dưới 1%

- 100% đạt yêu cầu trở lên về kiểm tra thể lực theo chuẩn của Bộ GDĐT.

- Nâng cao tỷ lệ học sinh giỏi cấp thành phố, cấp tỉnh.

- 95% học sinh lớp cuối cấp được tuyển sinh vào trường THPT hoặc được phân luồng đào tạo nghề sau bậc THCS.

- Duy trì trường đạt danh hiệu tập thể Lao động tiên tiến.

b. Giai đoạn 2 (2024-2026)

- Đạt kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục Cấp độ 2, trường chuẩn quốc gia Mức độ 1.

- 100% giáo viên, cán bộ quản lý đáp ứng chuẩn trình độ đào tạo (cử nhân) theo quy định của Luật giáo dục 2019.

- Đảm bảo hợp lý cơ cấu giáo viên theo môn học.

- Duy trì các chỉ tiêu chất lượng giáo dục (học lực, hạnh kiểm, lên lớp, tốt nghiệp, ...)

c. Giai đoạn 3 (2027-2030)

- Rà soát các tiêu chuẩn để thực hiện công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục duy trì Cấp độ 3, trường chuẩn quốc gia Mức độ 2.

- Đến năm 2030, phấn đấu đạt được 1 số tiêu chuẩn mức 4 kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục.

- Chất lượng giáo dục bền vững được khẳng định. Thương hiệu nhà trường được nâng cao.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường cấp 2 xã Cổ Bì nay là trường THCS Cổ Bì được thành lập tháng 9 năm 1966, cơ sở vật chất còn rất khó khăn.

Năm học 1966 - 1967 trường có 5 thầy cô giáo với 3 lớp học, 125 em học sinh do thầy Đào Huy Hồng là hiệu trưởng.

Trường được xây dựng tại trung tâm xã Cổ Bì. Thời kì đầu có nhiệm vụ dạy học cho học sinh trong xã để phục vụ cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và xây dựng quê hương. Năm 1974 Trường cấp I, II được sát nhập thành trường PTCS. Nhằm đáp ứng yêu cầu và sự nghiệp giáo dục trong giai đoạn mới.

Trước yêu cầu nhiệm vụ về công tác giáo dục và đào tạo trong công cuộc đổi mới của đất nước, năm học 1990 - 1991 trường PTCS lại tách ra thành trường cấp I, cấp II xã Cổ Bì và Năm 1997 trường cấp II đổi tên là trường THCS Cổ Bì.

Năm học 2007 - 2008 cán bộ giáo viên và học sinh trường THCS Cổ Bì đã phấn đấu và đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2001 – 2010.

Năm học 2023 – 2024 Trường THCS Cổ Bì có 26 cán bộ, giáo viên công nhân viên, 13 lớp và 475 học sinh. Trường nằm trên địa bàn trung tâm xã với diện tích 7320 m² có khuôn viên khang trang sạch đẹp, được sắp xếp, bố trí khoa học, có cây xanh bóng mát, vườn hoa cây cảnh hợp lý tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp.

Cơ sở vật chất của nhà trường đã được xây dựng theo hướng chuẩn Quốc gia, có đầy đủ các phòng học kiên cố cao tầng, phòng bộ môn, phòng chức năng, thư viện, thiết bị dạy học, sân chơi bãi tập đầy đủ. Với đầy đủ trang thiết bị hiện đại phục vụ tốt cho việc học tập, giảng dạy của giáo viên và học sinh đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn của trường chuẩn Quốc Gia.

Trải qua hơn 40 năm phấn đấu xây dựng và trưởng thành Trường THCS đã có nhiều thành tích trong Giáo dục - Đào tạo, nhiều thế hệ học sinh của Cỏ Bì đã trưởng thành đã tham gia vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, đỗ đạt có nhiều cống hiến cho quê hương đất nước. Góp phần tô thắm thêm truyền thống vẻ vang của quê hương Cỏ Bì.

Được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen năm học 2023-2024.

Năm học 2022-2023, trường đã được Sở GDĐT tổ chức đánh giá ngoài và công nhận trường đạt kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục Cấp độ 2, UBND tỉnh công nhận trường đạt trường chuẩn quốc gia Mức độ 1.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Họ tên: Nguyễn Thu Hương

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Khu trung tâm xã Cỏ Bì, xã Cỏ Bì, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Số điện thoại: 0966300572

Thư điện tử: thscobi1@gmail.com

Trang thông tin điện tử: <http://thscobi.edu.vn>

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

Quyết định số 45 /QĐ-UBND ngày 08/01/2020 của UBND huyện Bình Giang về việc công nhận Hội đồng trường Trung học cơ sở Cỏ Bì, nhiệm kỳ 2020-2025; Quyết định số 395/QĐ-PGD-ĐT bổ sung kiện toàn hội đồng trường ngày 10 tháng 9 năm 2021 và Quyết định số 85/QĐ-THCS Cỏ Bì ngày 15 tháng 10 năm 2025 về bổ sung kiện toàn hội đồng trường năm học 2024 -2025

Danh sách thành viên Hội đồng trường

1. Bà Nguyễn Thu Hương, Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội đồng trường;

2. Bà Lê Thị Hoạch, Giáo viên, Thư ký Hội đồng trường;

3. Ông Vũ Văn Hào, Phó hiệu trưởng, Thành viên;

4. Ông Nguyễn Văn Định, tổ trưởng tổ KHTN, Thành viên;

5. Ông Lê Văn Kiên, Chủ tịch Công đoàn trường, Thành viên;

6. Bà Phạm Thị Yến Nga, Tổng phụ trách Đội, Thành viên;

7. Bà Phạm Thị Hải Yến, Tổ trưởng chuyên môn, Thành viên;
8. Ông Vũ Xuân Tiến, Trưởng ban TTND, Thành viên;
9. Bà Nguyễn Thị Đuộm, Đại diện UBND xã, Thành viên;
10. Ông Nguyễn Hải Triều, Trưởng ban đại diện cha, mẹ học sinh, Thành viên;
11. Học sinh Nguyễn Tuấn Anh, Liên đội trưởng, Thành viên.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

Hiệu trưởng: Nguyễn Thu Hương

- Quyết định số 2919/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 của UBND huyện Bình Giang, giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường THCS Cổ Bì trong thời gian 05 năm, kể từ ngày 01/10/2019.

- Quyết định số 2501/QĐ-UBND ngày 30/9/2024 của UBND huyện Bình Giang, giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường THCS Cổ Bì trong thời gian 05 năm, kể từ ngày 01/10/2024.

Phó Hiệu trưởng: Vũ Văn Hảo

- Quyết định số 2918/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 của UBND huyện Bình Giang, giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường THCS Cổ Bì trong thời gian 05 năm, kể từ ngày 01/10/2019.

- Quyết định số 2502/QĐ-UBND ngày 30/9/2024 của UBND huyện Bình Giang, giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường THCS Cổ Bì trong thời gian 05 năm, kể từ ngày 01/10/2024.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

e. Cơ cấu tổ chức nhà trường:

- Hội đồng trường gồm 11 thành viên. Chủ tịch HĐ: Nguyễn Thu Hương.
- Hiệu trưởng: Nguyễn Thu Hương
- 01 Phó Hiệu trưởng: Vũ Văn Hảo.
- Hội đồng thi đua khen thưởng;
- Hội đồng kỷ luật;
- Hội đồng tư vấn;
- Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam: Chi bộ gồm 20 đảng viên trực thuộc Đảng bộ xã Cổ Bì.
- Tổ chức Công đoàn: Gồm 25 công đoàn viên. Chủ tịch công đoàn cơ sở Lê Văn Kiên.
- Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: Gồm 5 đoàn viên. Bí

thư chi Đoàn: Phạm Duy Thiệp.

- Tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh: Liên Đội gồm 12 Chi Đội với 470 Đội viên. Tổng phụ trách Đội: Phạm Thị Yến Nga.

- 02 tổ chuyên môn:

+ Tổ KHTN : Gồm 12 thành viên. Tổ trưởng: Nguyễn Văn Định

+ Tổ KHXH: Gồm 10 thành viên. Tổ trưởng: Phạm Thị Hải Yến

- 01 Tổ văn phòng: Gồm 03 thành viên. Tổ trưởng Lê Văn Kiên.

- Lớp học: Gồm 12 lớp học với 470 học sinh

Chức năng, nhiệm vụ:

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

Họ tên: Nguyễn Thu Hương

Chức vụ: Hiệu trưởng

Điện thoại: 0966300572

Email: thu72huong@gmail.com

Nơi làm việc: Trường THCS Cô Bì, huyện Bình Giang tỉnh Hải Dương

Phó Hiệu trưởng:

Họ tên: Vũ Văn Hảo

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Điện thoại: 0976271603

Email: vuhao1978@gmail.com

Nơi làm việc: Trường THCS Cô Bì, huyện Bình Giang tỉnh Hải Dương

Phân công trách nhiệm:

Đ/c Nguyễn Thu Hương - Hiệu trưởng

* Nhiệm vụ chung.

- Xây dựng, tổ chức bộ máy nhà trường;
- Thực hiện các quyết nghị của Hội đồng trường được quy định tại khoản 3 Điều 20 được ban hành tại Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT;
- Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;
- Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định;
- Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật đối với giáo viên, nhân viên; thực hiện việc tuyển dụng giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động; tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;
- Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh và quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;
- Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường;
- Thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường;
- Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành;
- Thực hiện công khai đối với nhà trường;

- Được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật;

- Trực tiếp giảng dạy 2 tiết/tuần, tổ chức việc thực hiện chế độ làm việc và tạo điều kiện cho giáo viên thực hiện chế độ làm việc theo được quy định tại Thông tư 28/2009/TT-BGDĐT; Thông tư 15/2017/TT-BGDĐT.

* Nhiệm vụ phụ trách trực tiếp.

1.1. Chịu trách nhiệm trước UBND Huyện, ngành GD&ĐT Bình Giang, UBND xã Cổ Bì về toàn bộ hoạt động của nhà trường.

1.2. Quản lý và điều hành mọi hoạt động của nhà trường; triệu tập và chủ tọa các hoạt động của nhà trường; tổ chức chỉ đạo triển khai các chủ trương của Đảng, Nhà nước và các cấp tới CBGV, NV, học sinh trong trường. Ra nghị quyết chỉ bộ.

1.3. Chỉ đạo, quản lý và giải quyết một số công việc chính như sau:

- Tài chính, kế hoạch.
- Công tác nhân sự. Bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó.
- Các vấn đề liên quan tới chế độ, chính sách của CBGVNV.
- Các vấn đề liên quan đến học sinh (Chuyển đi, chuyển đến, khen thưởng, kỷ luật...)
- Chỉ đạo các tổ chức, đoàn thể hoạt động theo đúng chức năng.
- Chỉ đạo quản lý hồ sơ CB, GV, NV.
- Chỉ đạo thực hiện công tác kiểm định chất lượng của nhà trường và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia;
- Phối hợp với Phó hiệu trưởng, tổng phụ trách đội, công đoàn và các tổ chức xã hội khác để nâng cao chất lượng dạy học giáo dục của nhà trường.
- Công tác tham mưu về xây dựng cơ sở vật chất, xanh, sạch, đẹp của nhà trường.
- Công tác vận động tài trợ, xây dựng và phát triển nhà trường.
- Xây dựng các kế hoạch sau của nhà trường.
- + Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học.
- + Kế hoạch kiểm tra nội bộ.
- + Rà soát bổ sung chiến lược phát triển giáo dục nhà trường 2020 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030.
- + Kế hoạch hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường.
- + Kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật.
- Trực tiếp ký duyệt KH của các tổ chức đoàn thể, KH chuyên môn của nhà trường; các văn bản gửi các cấp, các ngành và các văn bản khác liên quan đến hoạt động nhà trường. Kiểm tra, ký duyệt học bạ khối 6, khối 9 và các hồ sơ của học

sinh lớp 9.

- Quản lý và chỉ đạo thực hiện về công tác chuyên môn; Công tác phổ cập GD THCS, xóa mù chữ; các hoạt động về tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật.

- Tham mưu với các cấp về xây dựng cơ sở vật chất của nhà trường. Tìm các nguồn tài trợ hợp pháp để xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đảm bảo công tác dạy và học.

- Phối hợp với ban đại diện cha mẹ học sinh chăm lo giáo dục rèn luyện học sinh trong gia đình, vận động phụ huynh hợp tác trong công tác tài trợ, tạo điều kiện cho học sinh hoạt động trải nghiệm, học tập, khuyến học, hỗ trợ học sinh nghèo trong học tập.

- Chịu trách nhiệm về công tác tuyển sinh, tiếp nhận và chuyển trường cho học sinh.

- Chịu trách nhiệm phối hợp với các tổ chức xã hội khác để giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống và tuyên truyền giáo dục pháp luật cho học sinh.

Đ/c Vũ Văn Hảo - Phó Hiệu trưởng

* Nhiệm vụ chung.

- Thực hiện và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về nhiệm vụ được Hiệu trưởng phân công;

- Cùng với Hiệu trưởng chịu trách nhiệm trước cấp trên về phần việc được giao;

- Thay mặt Hiệu trưởng điều hành hoạt động của nhà trường khi được Hiệu trưởng uỷ quyền;

- Được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

- Trực tiếp giảng dạy 4 tiết/tuần, tổ chức việc thực hiện chế độ làm việc và tạo điều kiện cho giáo viên thực hiện chế độ làm việc theo được quy định tại Thông tư 28/2009/TT-BGDĐT; Thông tư 15/2017/TT-BGDĐT.

* Nhiệm vụ phụ trách trực tiếp.

2.1. Quản lý và chỉ đạo thực hiện về công tác chuyên môn

- + Xây dựng kế hoạch hoạt động về công tác chuyên môn bao gồm:

- + Cùng phối hợp với Hiệu trưởng để xây dựng Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2024 - 2025.

- + Kế hoạch bồi dưỡng HSG, phụ đạo học sinh yếu, ôn thi vào lớp

- + Kế hoạch dạy thêm học thêm trong nhà trường

- + Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên

- + Kế hoạch cuộc thi khoa học kỹ thuật

- + Kế hoạch tự đánh giá kiểm định chất lượng
 - Quản lý, điều hành các hoạt động chuyên môn
 - + Chỉ đạo xây dựng chương trình môn học theo quy định.
 - + Cùng hiệu trưởng phân công chuyên môn cho giáo viên, kiểm tra xác suất hồ sơ, công tác giảng dạy của giáo viên.
 - + Sắp xếp thời khóa biểu, lịch bồi dưỡng, dạy ôn, phụ đạo, dạy thêm trong nhà trường (Nếu có triển khai).
 - + Tham mưu với hiệu trưởng các nội dung nhằm thúc đẩy việc nâng cao chất lượng về chuyên môn.
 - + Phụ trách công tác khảo sát chất lượng, thi định kì, thi thử vào lớp 10; thi chọn đội tuyển Học sinh giỏi.
 - + Chỉ đạo nghiên cứu lựa chọn sách giáo khoa theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.
 - + Ký duyệt các hoạt động về chuyên môn của GV và hướng dẫn làm các báo cáo liên quan đến chuyên môn gửi cấp trên trình Hiệu trưởng phê duyệt. Kiểm tra, ký duyệt học bạ khối 7, khối 8. Mỗi tháng kiểm tra ký sổ đầu bài một lần. Mỗi kì kiểm tra, ký duyệt hồ sơ giáo viên, hồ sơ tổ chuyên môn ít nhất 01 lần.
 - + Tổ chức chỉ đạo việc soạn bài theo chỉ đạo của phòng giáo dục, các chuyên đề, hoạt động TN-HN.
 - + Quản lý, kiểm tra, nhận xét các loại hồ sơ thuộc lĩnh vực chuyên môn. (Lịch báo giảng, giáo án, Sổ đầu bài, Sổ điểm;, KH của tổ chuyên môn, KH giảng dạy của GV ...). Chỉ đạo về công tác CNTT của trường.
 - + Định kì hàng tháng chỉ đạo kiểm tra hồ sơ giáo viên, việc cho điểm trên mas; việc lên lịch báo giảng. Lưu file điểm hàng tháng làm căn cứ đối chiếu. Lưu file lịch báo giảng hàng kì. Chỉ đạo viết và đưa bài trên trang web của trường các nội dung thuộc lĩnh vực chuyên môn: Các hoạt động, kế hoạch, văn bản, kết quả học sinh giỏi...
 - Thống kê, tổng hợp và quản lý các chỉ số, số liệu về chuyên môn.
- 2.2. Phụ trách công tác kiểm định chất lượng GD và công tác phổ cập GD THCS, xóa mù chữ.
- 2.3. Tham mưu cho hiệu trưởng các hoạt động về xây dựng trường học hạnh phúc, ATGT, tuyên truyền phổ biến pháp luật và các hoạt động xã hội khác.
- 2.4. Phụ trách công tác lao động: Tham mưu ý tưởng về trường học xanh sạch đẹp, an toàn.
- 2.5. Chỉ đạo thực hiện công tác Thư viện, thiết bị, y tế học đường, văn thư lưu trữ và các tổ chức XH khác (Đoàn đội; Chữ thập đỏ, Khuyến học...).
- 2.6. Phụ trách và chỉ đạo các hoạt động công đoàn.
- 2.7. Xây dựng kế hoạch và chỉ đạo thực hiện các cuộc vận động và phong

trào thi đua của Công đoàn, của ngành đề ra như “Xây dựng trường học thân thiện học sinh tích cực”, “Mỗi thầy cô giáo là tấm gương về đạo đức, tự học và sáng tạo”...

2.8. Quản lý và theo dõi các hoạt động và các chỉ số về công tác thi đua của CBCCVC trong trường.

2.9. Tham gia xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch của Hội đồng trường. Ghi biên bản sinh hoạt chi bộ và nộp các hồ sơ của chi bộ, theo dõi việc học tập làm theo tư tưởng đạo đức phong các Hồ chí Minh.

2.10. Giúp Hiệu trưởng giải quyết những công việc được uỷ quyền hoặc khi Hiệu trưởng đi vắng.

2.11. Chịu trách nhiệm cá nhân về các lĩnh vực mình được phụ trách đồng thời chịu trách nhiệm cùng Hiệu trưởng trong công tác quản lý nhà trường trước UBND Huyện, Ngành giáo dục và UBND xã Cổ Bì.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục;

Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục;

Các nghị quyết của hội đồng trường;

Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính;

Kế hoạch và thông báo tuyển sinh của nhà trường và các quy định, quy chế nội bộ khác.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Số TT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú
			Tuyển dụng trước ND 116 và tuyển dụng theo ND 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo ND 111)	TS	ThS	ĐH	CĐ	TC CN	Dưới TCCN	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	26	24	02	0	0	25	1			
I	Giáo viên	21	19	02			20	01			
	Trong đó số giáo viên dạy môn:										
1	Toán - tin	2	2				2				
2	Toán - Lý	2	2				2				
3	Toán hóa	1	1				1				

4	Toán	1		1			1				
5	Sinh - Hóa	1	1				1				
6	Thể dục - Sinh	1	1				1				
7	Sử - CD	1	1					1			
8	Tin học	1	1				1				
9	Văn	1	1				1				
10	Văn - Sử	2	2				2				
11	Văn - Địa	1	1				1				
12	Địa - GD&CD	1	1				1				
13	Tiếng Anh	1	1	1			2				
14	Âm nhạc - Đội	1	1				1				
15	Mỹ thuật	1	1				1				
16	Thể dục	1	1				1				
18	Tổng phụ trách Đội										
19	CN(KTNN)	1	1				1				
20	Tư vấn tâm lý										
21	Hỗ trợ học sinh KT										
II	Cán bộ quản lý	2	2				2				
1	Hiệu trưởng	1	1				1				
2	Phó hiệu trưởng	1	1				1				
III	Nhân viên	3	3				3				
1	Nhân viên văn thư	1	1				1				
2	Nhân viên kế toán	1	1				1				
3	Thủ quỹ										
4	Nhân viên y tế										
5	Nhân viên thư viện	1	1				1				
6	Nhân viên thiết bị										
7	Quản trị cơ sở										

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

ST T	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	13	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	8	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	05	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện	0	

	nghe nhìn)		
7	Bình quân lớp/phòng học	1.5	
8	Bình quân học sinh/lớp		39.2
III	Số điểm trường	01	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	7320(m ²)	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	4058(m ²)	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	496(m ²)	62m ² /Phòng
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	310(m ²)	62m ² /Phòng
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	60(m ²)	15m ² /phòng
	Diện tích thư viện (m ²)	76(m ²)	76(m ²)/ Phòng
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0(m ²)	
5	Diện tích phòng hoạt động đoàn đội, phòng truyền thống (m ²)	0(m ²)	0m ² /Phòng
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	04	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo qui định		
1.1	Khối lớp 6		
1.2	Khối lớp 7		
1.3	Khối lớp 8		
1.4	Khối lớp 9		
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu theo qui định	4	
2.1	Khối lớp 6	1	1/3
2.2	Khối lớp 7	1	1/3
2.3	Khối lớp 8	1	1/3
2.4	Khối lớp 9	1	1/3
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	0	
VII I	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	18	

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	13	1.1
2	Cát xét	2	
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật , máy chiếu kỹ thuật số	2	
5	Đàn oocgan	1	

6	Máy phát điện	0	
7	Máy camera vật thể	1	
8	Máy chụp ảnh kỹ thuật số	0	
9	Máy pho to	1	
10	Máy in	5	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2	Nam/riêng/ Nữ riêng	1/1	22.34 m ²	0,079m ² /hs
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Có	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	Có	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	Có	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	Có	
XIX	Tường rào xây	Có	

2. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong nhà trường

Lớp 6. Theo danh mục SGK lớp 6 đã được Sở GDĐT Hải Dương theo Công văn số 367/SGDDĐT-GDTrH ngày 09/4/2021

STT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Toán Tập 1,2 Cánh Diều	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang.	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh
2	Khoa học tự nhiên Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên), Đinh Đoàn Long, Lê Kim Long, Bùi Gia Thịnh (đồng Chủ biên), Nguyễn Hữu Chung, Nguyễn Thu Hà, Bùi Thị Việt Hà, Nguyễn Đức Hiệp, Trần Thị Thanh Huyền, Lê Trọng Huyền, Vũ Trọng Rỹ, Nguyễn Văn Vịnh	Giáo dục Việt Nam
3	Công nghệ Cánh diều	Nguyễn Tất Thắng (Tổng chủ biên), Trần Thị Lan Hương (Chủ biên), Hoàng Xuân Anh, Nguyễn Thị Thanh Huệ, Bùi Thị Hải Yến	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh
4	Giáo dục thể chất Cánh diều	Lưu Quang Hiệp (Tổng chủ biên), Đinh Quang Ngọc (chủ biên), Đinh Khánh Thu, Mai Thị Bích Ngọc, Nguyễn Văn Thành	Đại học Sư phạm
5	Tin học Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công, Hà Đặng Cao Tùng, Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai	Giáo dục Việt Nam
6	Ngữ văn tập 1 Cánh diều	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng chủ biên), Đỗ Ngọc Thống (chủ biên), Lê Huy Bắc, Phạm Thị Thu Hiền, Phạm Thị Thu Hương, Nguyễn Văn Lộc, Trần Nho Thìn	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh
7	Ngữ văn tập 2 Cánh diều	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng chủ biên), Đỗ Ngọc Thống (chủ biên), Bùi Minh Đức, Phạm Thị Thu Hiền, Nguyễn Văn Lộc, Trần Nho Thìn, Trần Văn Toàn	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh
8	Lịch sử và Địa lí Cánh diều	Đỗ Thanh Bình, Nguyễn Việt Thịnh (Tổng Chủ biên), Trần Viết Lưu, Nguyễn Văn Ninh, Đỗ Thị Minh Đức (đồng Chủ biên), Phạm Thị Kim Anh, Nguyễn Văn Dũng, Nguyễn Phùng Tám, Kiều Văn Hoan, Ngô Thị Hải Yến	Đại học Sư phạm
9	Giáo dục công dân Cánh diều	Trần Văn Thắng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hoài, Nguyễn Thúy Quỳnh, Mai Thu Trang	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh
10	Âm nhạc Cánh diều	Đỗ Thanh Hiền (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Mai Anh, Nguyễn Quang Nhã	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh
11	Mĩ thuật Cánh diều	Phạm Văn Tuyền (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Ngô Thị Hường, Nguyễn Duy Khuê, Nguyễn Thị Hồng Thắm	Đại học Sư phạm

12	Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy, Bùi Sỹ Tụng (đồng Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Hạnh, Nguyễn Thị Việt Nga, Trần Thị Thu (đồng Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, Nguyễn Thanh Bình, Lê Văn cầu, Dương Thị Thu Hà, Tạ Văn Hai, Nguyễn Thu Hương, Lê Thị Luận, Nguyễn Thị Thanh Mai, Nguyễn Hồng Thuận, Lê Thị Thanh Thủy	Giáo dục Việt Nam
13	Tiếng Anh Discovery	Trần Thị Lan Anh (Chủ biên), Hoàng Thị Minh Lý	Đại học sư phạm

Lớp 7. Theo danh mục SGK lớp 7 đã được UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt tại Quyết định số: 832/QĐ-UBND ngày 15/4/2022

STT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Ngữ Văn 7, tập 1 Cánh Diều	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên), Đỗ Ngọc Thống (Chủ biên), Lê Thị Tuyết Hạnh, Phạm Thị Thu Hiền, Nguyễn Văn Lộc.	NXB ĐHSP TP. HCM
2	Ngữ Văn 7, tập 2 Cánh Diều	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên), Đỗ Ngọc Thống (Chủ biên), Lê Thị Tuyết Hạnh, Phạm Thị Thu Hiền, Nguyễn Phước Hoàng, Nguyễn Văn Lộc.	NXB ĐHSP TP. HCM
3	Toán 7, tập 1, tập 2 Bộ sách Cánh Diều	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang.	NXB Đại học Sư phạm
4	Lịch sử và Địa lí 7 Cánh Diều	Đỗ Thanh Bình (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nguyễn Thê Bình (Chủ biên phần Lịch sử), Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Mạnh Hương, Vũ Đức Liêm, Nguyễn Văn Ninh, Ninh Xuân Thao; Nguyễn Viết Thịnh, Lê Thông (đồng Tổng Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Minh Tuệ (Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Tường Huy, Trần Thị Thanh Thủy, Hoàng Phan Hải Yến, Ngô Thị Hải Yến.	NXB Đại học Sư phạm
5	Tiếng Anh 7 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung, Nguyễn Thụy Phương Lan, Phan Chí Nghĩa, Lương Quỳnh Trang, Nguyễn Quốc Tuấn.	NXB Giáo dục Việt Nam
6	Giáo dục công dân 7 Cánh Diều	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Phạm Việt Thắng (Chủ biên), Bùi Xuân Anh, Dương Thị Thúy Nga, Hoàng Thị Thịnh, Hoàng Thị Thuận, Mai Thu	NXB Đại học Huế

		Trang.	
7	Khoa học tự nhiên 7 Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Mai Văn Hưng, Lê Kim Long, Bùi Gia Thịnh (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Tuấn Cường, Trần Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Bích Ngọc, Phạm Thị Phú, Vũ Trọng R\tilde{d}, Mai Thị Tình, Vũ Thị Minh Tuyền.	NXB Giáo dục Việt Nam
8	Công nghệ 7 Cánh Diều	Nguyễn Tất Thắng (Tổng Chủ biên), Dương Văn Nhiệm (Chủ biên), Phạm Thị Lam Hồng, Nguyễn Thị Ái Nghĩa, Nguyễn Thị Vinh.	NXB ĐHSP TP.HCM
9	Tin học 7 Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đăng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Bùi Việt Hà, Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai.	NXB Giáo dục Việt Nam
10	Giáo dục thể chất 7 Cánh Diều	Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên), Bùi Ngọc (Chủ biên), Nguyễn Ngọc Tuấn, Nguyễn Xuân Trãi, Đặng Thị Thu Thủy.	NXB Đại học Sư phạm
11	Âm nhạc 7 Cánh Diều	Đỗ Thanh Hiên (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Mai Anh, Lại Thị Phương Thảo, Vũ Ngọc Tuyền.	NXB ĐHSP TP.HCM
12	Mĩ thuật 7 Cánh Diều	Phạm Văn Tuyền (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Ngô Thị Hương, Nguyễn Duy Khuê, Nguyễn Thị My., Nguyễn Thị Hồng Thắm.	NXB Đại học Sư phạm
13	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7 Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Trần Thị Thu (Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình, Dương Thị Thu Hà, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Thị Việt Nga, Lê Thị Thanh Thủy.	NXB Giáo dục Việt Nam

Lớp 8. Theo danh mục SGK lớp 8 đã được UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt tại Quyết định số: 705/QĐ-UBND ngày 19/4/2023

STT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Ngữ văn 8, tập một Cánh Diều	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ Biên), Đỗ Ngọc Thống (Chủ biên), Phạm Thị Thu Hương, Nguyễn Văn Lộc, Vũ Thanh	Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh)
2	Ngữ văn 8, tập hai	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ Biên), Đỗ Ngọc Thống (Chủ biên), Đỗ Thu Hà,	Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản -

	Cánh Điều	Nguyễn Phước Hàng, Phạm Thị Thu Hương, Nguyễn Phước Bảo Khôi, Nguyễn Văn Lộc, Vũ Thanh	Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh)
3	Toán 8, tập một, tập hai Cánh Điều	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang	Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
4	Tiếng Anh 8 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Chi, Lê Kim Dung, Phan Chí Nghĩa, Nguyễn Thụy Phương Lan, Trần Thị Hiếu Thủy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Khoa học tự nhiên 8 Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Mai Văn Hưng, Lê Kim Long, Vũ Trọng Rỹ (đồng Chủ biên), Nguyễn Văn Biên, Nguyễn Hữu Chung, Nguyễn Thu Hà, Lê Trọng Huyền, Nguyễn Thế Hưng, Nguyễn Xuân Thành, Bùi Gia Thịnh, Nguyễn Thị Thuần, Mai Thị Tình, Vũ Thị Minh Tuyền, Nguyễn Văn Vịnh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Lịch sử và Địa lí 8 Cánh điều	Đỗ Thanh Bình (Tổng chủ biên phần Lịch sử), Nguyễn Mạnh Hưởng (Chủ biên phần Lịch sử), Nguyễn Văn Ninh, Nguyễn Thị Thế Bình, Phạm Thị Tuyết, Ninh Xuân Thao; Lê Thông (Tổng Chủ biên); Đặng Duy Lợi, Nguyễn Quyết Chiến (đồng Chủ biên phần Địa lí), Đỗ Văn Thanh, Trần Thị Tuyền.	Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: NXB Đại học Sư phạm)
7	Giáo dục công dân 8 Cánh Điều	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Phạm Việt Thắng (Chủ biên), Bùi Xuân Anh, Dương Thị Thuý Nga, Hoàng Thị Thịnh, Hoàng Thị Thuận, Mai Thu Trang	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Huế)
8	Âm nhạc 8 Cánh Điều	Đỗ Thanh Hiên (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Mai Anh, Vũ Ngọc Tuyền	Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Huế)

9	Mĩ thuật 8 Cánh Diều	Phạm Văn Tuyên (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Trần Từ Duy, Nguyễn Duy Khuê, Nguyễn Thị My, Nguyễn Thị Hồng Thắm	Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
10	Tin học 8 Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đăng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hoàng Thị Mai, Nguyễn Thị Hoài Nam	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Công nghệ 8 Cánh Diều	Nguyễn Trọng Khanh (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thế Công (Chủ biên), Nguyễn Thị Mai Lan, Phạm Hùng Phi, Ngô Văn Thanh, Cao Văn Thành, Chu Văn Vượng	Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh)
12	Giáo dục thể chất 8 Cánh Diều	Đinh Quang Ngọc (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đặng Hoài An, Đinh Thị Mai Anh, Mai Thị Bích Ngọc, Nguyễn Văn Thành, Đinh Khánh Thu	Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
13	Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp 8 Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Trần Thị Thu (Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Thị Việt Nga, Lê Thị Thanh Thủy	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Lớp 9. Theo danh mục SGK lớp 9 đã được UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt tại Quyết định số: 1074/QĐ-UBND ngày 06/5/2024

STT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Toán 9, Tập 1, Tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (Đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Khoa học tự nhiên 9 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Biên, Lê Trọng Huyền, Đinh Hoàng Long (đồng Chủ biên), Nguyễn Thu Hà, Trương Duy Hải,	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

		Nguyễn Thanh Hưng, Trần Văn Kiên, Đường Khánh Linh, Nguyễn Thị Hằng Nga, Vũ Công Nghĩa, Vũ Trọng Rỹ, Nguyễn Thị Thuận.	
3	Công nghệ 9: Định hướng nghề nghiệp (Cánh Diều)	Nguyễn Trọng Khanh (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Mai Lan.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh)
4	Công nghệ 9 - Mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà (Cánh Diều)	Nguyễn Trọng Khanh (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên); Nguyễn Thị Mai Lan, Vũ Thị Thu Nga; Hoàng Thị Phương Thảo, Trần Thị Như Trang.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh)
5	Công nghệ 9 - Mô đun Trồng cây ăn quả (Cánh Diều)	Nguyễn Tất Thắng (Tổng Chủ biên), Vũ Thanh Hải (Chủ biên), Vũ Thị Thu Hiền, Phạm Thị Bích Phương	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh)
6	Công nghệ 9 - Mô đun Chế biến thực phẩm (Cánh Diều)	Nguyễn Tất Thắng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Lan Hương (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Lan, Nguyễn Thị Thanh Thủy	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh)
7	Tin học 9 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đăng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hoàng Thị Mai.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Giáo dục thể chất 9 (Cánh Diều)	Đinh Quang Ngọc (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đặng Hoài An, Đinh Thị Mai Anh, Mai Thị Bích Ngọc, Nguyễn Văn Thành, Đinh Khánh Thu	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
9	Ngữ văn 9, Tập 1 (Cánh Diều)	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên), Đỗ Ngọc Thống (Chủ biên)	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC)

			(Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh)
10	Ngữ văn 9, Tập 2 (Cánh Diều)	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên), Đỗ Ngọc Thống (Chủ biên)	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh)
11	Lịch sử và Địa lí 9 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Nguyễn Ngọc Cơ, Trịnh Đình Tùng (đồng Chủ biên phần Lịch sử), Hoàng Hải Hà, Nguyễn Thị Huyền Sâm, Hoàng Thanh Tú; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Trọng Đức, Lê Văn Hà, Nguyễn Tú Linh, Phạm Thị Trâm.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
12	Tiếng Anh 9 (Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Chỉ, Lê Kim Dung, Nguyễn Thụy Phương Lan, Phan Chí Nghĩa, Trần Thị Hiếu Thủy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
13	GDCD 9 (Cánh Diều)	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Phạm Việt Thắng (Chủ biên), Bùi Xuân Anh, Dương Thị Thúy Nga, Hoàng Thị Thinh, Hoàng Thị Thuận, Mai Thu Trang, Trần Văn Thắng.	Nhà xuất bản Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Huế)
14	Âm nhạc 9 (Cánh Diều)	Đỗ Thanh Hiên (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Mai Anh, Vũ Ngọc Tuyền	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Huế)
15	Mĩ thuật 9 (Cánh Diều)	Phạm Văn Tuyền (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Trần Từ Duy, Nguyễn Duy Khuê, Nguyễn Thị My, Nguyễn Thị Hồng Thắm.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)

16	Hoạt động trải nghiệm – hướng nghiệp 9 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên); Trần Thị Thu (Chủ biên); Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Thị Việt Nga, Lê Thị Thanh Thủy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
----	---	---	--------------------------------

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá (năm học 2023-2024)

(Đánh dấu (x) vào ô kết quả tương ứng Đạt hoặc Không đạt)

1.1 Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

TT	Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
		Không đạt	Đạt		
			Mức 1	Mức 2	Mức 3
I	Tiêu chuẩn 1		X	X	X
1	Tiêu chí 1.1		x	x	x
2	Tiêu chí 1.2		x	x	
3	Tiêu chí 1.3		x	x	x
4	Tiêu chí 1.4		x	x	x
5	Tiêu chí 1.5		x	x	x
6	Tiêu chí 1.6		x	x	x
7	Tiêu chí 1.7		x	x	
8	Tiêu chí 1.8		x	x	
9	Tiêu chí 1.9		x	x	
10	Tiêu chí 1.10		x	x	
II	Tiêu chuẩn 2		X	X	
1	Tiêu chí 2.1		x	x	x
2	Tiêu chí 2.2		x	x	
3	Tiêu chí 2.3		x	x	x
4	Tiêu chí 2.4		x	x	x
III	Tiêu chuẩn 3		X	X	
1	Tiêu chí 3.1		x	x	
2	Tiêu chí 3.2		x	x	
3	Tiêu chí 3.3		x	x	
4	Tiêu chí 3.4		x	x	
5	Tiêu chí 3.5		x	x	
6	Tiêu chí 3.6		x	x	x

IV	Tiêu chuẩn 4		X	X	X
1	Tiêu chí 4.1		x	x	x
2	Tiêu chí 4.2		x	x	x
V	Tiêu chuẩn 5		X	X	X
1	Tiêu chí 5.1		x	x	x
2	Tiêu chí 5.2		x	x	x
3	Tiêu chí 5.3		x	x	
4	Tiêu chí 5.4		x	x	
5	Tiêu chí 5.5		x	x	x
6	Tiêu chí 5.6		x	x	x

Kết quả: Đạt mức 2.

1.2 Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Điều 22			
Khoản 1		x	
Khoản 2		x	
Khoản 3			
Khoản 4		x	
Khoản 5		x	
Khoản 6	x		

Kết quả: Không đạt Mức 4.

1. 3. Kết luận: Trường đạt mức 2 Kết quả đánh giá ngoài

- Năm học 2022- 2023, trường đã được Sở GDĐT tổ chức đánh giá ngoài theo Quyết định số 265/QĐ-SGDĐT ngày 31/3/2023 của Sở giáo dục Hải Dương .

- Kết quả:

+ Trường được công nhận đạt kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục Cấp độ 2 (Theo Quyết định số 894/QĐ-SGDĐT ngày 28/7/2023 của Sở GDĐT Hải Dương

+ UBND tỉnh cấp Bằng công nhận trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 (Theo Quyết định số 1637/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 của UBND tỉnh Hải Dương).

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	455	134	120	95	106
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	316(69.45%)	86 (64.18%)	83 (69.17%)	60 (63.16%)	87 (82.08%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	97(21.32%)	34 (25.37%)	24 (20%)	23 (24.21%)	16 (12.09%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	42 (9.23%)	14 (10.45%)	13 (10.83%)	12 (12.63%)	3 (2.83%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	(0.%)	0	(0%)	0(0.%)	0 (0%)
II	Số học sinh chia theo học lực	455	134	120	95	106
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	108(23.74%)	27 (20.15%)	19 (15.83%)	27 (28.42%)	35 (33.02%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	182(40%)	58 (43.28%)	54 (45%)	32 (33.68%)	38 (35.85%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	162 (35.60%)	49 (36.57)	45 (37.5%)	35 (36.84%)	33 (31.13%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	3 (0.66%)	0(0%)	2 (1.667%)	1(1.053.%)	0 (0%)
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)					
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	455	134	120	95	106
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	452 (99.34%)	134 (100%)	118 (98.33%)	94 (98.94%)	106 (100%)
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	108(23.74%)	17 (14%)	26 (27.1%)	26 (23.9%)	35 (33.02%)
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)					38 (35.85%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	16 (3.52%)	07(5.22%)	4 (3.33%)	5(5.26.%)	0 (0%)
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	3 (0.66%)	0	2 (1.66%)	1 (1.05%)0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0

5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0			
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	2(0.0.44%)	0	1 (0.83%)	1 (1.05%)	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	8				8
2	Cấp tỉnh/thành phố	0				0
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	106				106
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	106				106
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	35 (33.02%)				35 (33.02%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	38 (35.85%)				38 (35.85%)
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	33 (31.13%)				33 (31.13%)
VII	Số học sinh học sau TN THCS (tỷ lệ so với tổng số)					0 (0%)
1	Công lập	58 (54,71%)				
2	Các loại hình khác	31 (29,24%)				
3	Học nghề	14 (13,2%)				
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	258/197	81/54	98/52	55/51	
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	2			1	1

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của nhà trường trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật

a) Các khoản thu:

- Nguồn ngân sách nhà nước năm 2024: 5.135.819.216đ

b) Các khoản chi phân theo:

*** Nguồn Ngân sách**

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	Số Tiền	Ghi chú
1	Thanh toán lương	2.232.205.073	

2	Thanh toán phụ cấp lương	1.277.254.013	
3	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	54.695.192	
4	Thanh toán tiền công cho HĐ bảo vệ	36.000.000	
5	Thanh toán Hỗ trợ CPHT, học bổng cho học sinh	20.007.500	
6	Thanh toán tiền thưởng	10.530.000	
7	Thanh toán Tiền phúc lợi tập thể	34.640.490	
8	Thanh toán các khoản đóng góp	684.982.315	
8	Thanh toán các khoản cho cá nhân	62.654.100	
10	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	9.100.000	
11	Thanh toán dịch vụ công cộng	8.989.668	
21	Vật tư văn phòng	30.584.325	
13	Thông tin tuyên truyền liên lạc	14.937.660	
14	Thanh toán chi phí hội nghị	0	
15	Thanh toán công tác phí	11.220.000	
16	Thanh toán chi phí thuê mướn	3.000.000	
17	Thanh toán sửa chữa tài sản phục vụ chuyên môn	57.150.600	
18	Thanh toán mua sắm tài sản phục vụ công tác CM	0	
19	Thanh toán chi phí nghiệp vụ chuyên môn	122.904.280	
20	Thanh toán các khoản chi khác	26.295.000	
21	Sửa chữa duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	438.669.000	
	Tổng cộng	5.135.819.216	

*** Nguồn vận động tài trợ: Không**

Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển:

STT	Khoản thu	Mức thu (...đ/HS/tháng) hoặc (...đ/HS/năm)	Số tiền đã thu (đồng)	Số tiền đã chi đến hết tháng 12/2024 (đồng)	Số tiền đã trả lại học sinh (đồng)	Số tiền còn dư (đồng)
I	Bắt buộc					
1	Học phí	85.000đ/tháng/học sinh	352.835.000	117.769.527		235.065.473
2	Bảo hiểm y tế	884.520đ/hs/năm	398.918.520	398.918.520		
3	Tiền trông xe HS	90.000đ/hs/năm học	26.100.000	12.610.000		13.490.000
II	Thỏa thuận					
4	Học thêm					
	Học kỳ I	7.000đ/tiết	382.273.500	382.273.500		
	Học kỳ II	7.000đ/tiết	302.064.000	302.064.000		
	Học hè 2024	7.000đ/tiết	143.472.000	143.472.000		
5	Tiền nước uống	63.000 đ/HS/năm	28.350.000	12.495.600		15.854.400
6	Vệ sinh trường	13.000đ/tháng	52.650.000	23.817.000		28.833.000
III	Tự nguyện					
7	Tiền bảo hiểm thân thể	200.000đ/hs/năm	88.000.000	88.000.000		

2 .Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học. Miễn học phí theo theo Nghị định 81/NĐCP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí.

3. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có). Không

4.Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở. Công khai hàng tháng trong các cuộc họp Hội đồng sư phạm nhà trường.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Tham gia các cuộc thi

Học sinh giỏi cấp huyện: 8 em trong đó có 01 ba, 07 em đạt giải KK,).

Học sinh giỏi bộ môn cấp trường: 19 em trong đó có 03 nhì, 7 giải ba, 9 em KK).

Tham gia thi điền kinh đạt giải ba toàn đoàn có 03 học sinh đạt giải nhì, 04 học sinh đạt giải ba;

Tham gia thi cờ vua có 02 học sinh đạt giải ba

Tham gia cuộc thi “Khoa học kỹ thuật cấp huyện” với sản phẩm “Sử dụng hiệu quả nền tảng mạng xã hội Tiktok ” của cô giáo Phạm Thị Yến Nga. Tham gia trưng bày sản phẩm Stem cấp tỉnh với hai sản phẩm được công nhận cấp tỉnh.

2. Tổ chức các hoạt động khác

Trong năm học 2023-2024, Liên đội tổ chức thực hiện tốt các buổi hoạt động NNLL, sinh hoạt dưới cờ với nội dung mỗi tuần một câu chuyện đẹp, Mỗi tuần một cuốn sách hay; Mỗi tuần một tấm gương sáng; Tổ chức các hoạt động chào mừng kỷ niệm 41 năm Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, ngày thành lập Quân đội 22/12, ngày thành lập Đảng 03/2, ngày thành lập Đội 15/5, Ngày sinh nhật Bác 19/5, tháng hành động vì trẻ em ... ; tổ chức thi diễn văn nghệ, trưng bày các sản phẩm Stem. Ngoài ra Liên đội tổ chức tốt các hoạt động giáo dục truyền thống, uống nước nhớ nguồn, thắp hương tại Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ. Tổ chức các hoạt động hưởng ứng tháng ATGT, ATVSTP, phòng chống cháy nổ, nước sạch vệ sinh môi trường, phòng chống tai nạn, thương tích, phòng chống đuối nước, phòng chống thiên tai, tháng hành động phòng chống HIV-AIDS... , qua đó góp phần giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh.

Tiếp tục chỉ đạo và thực hiện tốt việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; cuộc vận động “Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” và phong trào “Xây dựng trường học xanh, sạch, đẹp, an toàn hướng tới xây dựng trường học hạnh phúc”.

Tham gia cuộc thi tìm hiểu pháp luật đã giáo dục ý thức đạo đức, lối sống, ý thức tuân thủ pháp luật, tinh thần yêu lao động, yêu thiên nhiên, bảo vệ môi trường cho học sinh nhằm kiểm chế, kiểm soát và ngăn chặn các tệ nạn xã hội, các hành vi bạo lực học đường.

Chỉ đạo giáo viên dạy GDCD thực hiện lồng ghép sử dụng hiệu quả bộ tài liệu “Giáo dục văn hóa giao thông” cho học sinh tiểu học, trung học cơ sở trong tuyên truyền giáo dục pháp luật về ATGT; Tổ chức các hoạt động sân khấu hóa tuyên truyền giáo dục pháp luật đảm bảo trật tự ATGT;

Tăng cường các hoạt động giáo dục học sinh kỹ năng phòng, tránh các loại tai nạn thương tích trong nhà trường và ngoài cộng đồng; nhắc nhở học sinh không xô đẩy, nô đùa, chạy nhảy ở hành lang các tầng cao, trèo cây, trèo hàng rào, lan can, đu lên cánh cửa, cánh cổng, tránh xa các khu vực không an toàn có nguy cơ gây, đổ, sập,..

Thực hiện thường xuyên công tác phòng, chống tai nạn đuối nước. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho học sinh về cách nhận biết nguy cơ đuối nước; hình thành ý thức, thói quen nếu không biết bơi tuyệt đối không được xuống nước khi không có sự giám sát của người lớn; học sinh biết bơi phải biết bơi ở những nơi an toàn; hướng dẫn các em kỹ năng cứu đuối an toàn, phòng ngừa các vụ đuối nước tập thể đáng tiếc xảy ra. Giao nhiệm vụ cho giáo viên hàng ngày dành thời gian quán triệt, nhắc nhở khuyến cáo học sinh tuyệt đối

không được chơi, đùa nghịch gần, ao, hồ, nơi tiềm ẩn nguy cơ đuối nước, không tự ý hoặc rủ nhau tắm, đi bơi khi không có người lớn đi cùng.

Tăng cường phối hợp giữa nhà trường, gia đình, các tổ chức đoàn thể tại địa phương triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn cho học sinh trong các dịp nghỉ lễ, nghỉ hè; chủ động các phương án ứng phó trước tình hình thời tiết cực đoan bất thường, thiên tai bão, lũ, đặt mục tiêu đảm bảo an toàn cho học sinh lên trên hết.

Nâng cao vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, Ban giám hiệu; vai trò của Bí thư Đảng bộ/Chi bộ Đảng, hiệu trưởng nhà trường, trách nhiệm của người đứng đầu đối với công tác giáo dục chính trị tư tưởng; đối với tổ chức Đoàn - Đội và các tổ chức, đoàn thể khác trong nhà trường. Nâng cao chất lượng công tác giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, tổ chức tập huấn kỹ năng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ liên đội, chi đội và giáo viên làm công tác đội. Phối hợp với Công an huyện Bình Giang, Ban Công an xã Cổ Bì tổ chức ký cam kết thực hiện nghiêm túc các quy định của các cấp, các ngành. Phối kết hợp chặt chẽ với hội cha mẹ học sinh, các tổ chức ban ngành, các lực lượng giáo dục ở địa phương để giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh.

- Tiếp tục triển khai Bộ quy tắc ứng xử của người dân trên địa bàn huyện Bình Giang, Bộ quy tắc ứng xử văn hóa trong trường học và đã duy trì CLB tư vấn tâm lý học đường; tổ chức các chuyên đề ngoại khóa về: Tư vấn tâm lý cho học sinh liên quan đến tâm lý lứa tuổi, giới tính, hôn nhân, gia đình, sức khỏe sinh sản vị thành niên; ứng xử văn hóa, phòng, chống bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em và xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện; khả năng ứng phó, giải quyết vấn đề phát sinh trong môi quan hệ gia đình, thầy cô, bạn bè và các môi quan hệ xã hội khác.

Làm tốt công tác đảm bảo an toàn trường học, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh.

Liên đội trường đã phát động học sinh sử dụng có hiệu quả tiền Lì xì đầu năm ủng hộ các bạn nghèo với số tiền gần 5 triệu đồng, làm kế hoạch nhỏ với mỗi bạn học sinh quyên góp 2 kg giấy vụn.

3. Kết quả đánh giá xếp loại tổ chức đảng, đoàn thể

Chi bộ: Năm 2024, xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”.

Công đoàn cơ sở: “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”.

Liên Đội: “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”.

4. Kết quả đánh giá viên chức và thi đua cuối năm học

Kết quả đánh giá viên chức:

+ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 4/24 đạt 16.67%

+ Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 16/24 đạt 66.67%

+ Hoàn thành nhiệm vụ: 03/24 đạt 12.5 %

+ Không xếp loại: 01 (Chưa đủ thời gian công tác)

- Kết quả thi đua tập thể: UBND huyện Bình Giang công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”,

- Kết quả thi đua cá nhân:
- + Chiến sỹ thi đua cơ sở: 03 đ/c;
- + Chủ tịch UBND huyện tặng giấy khen: 03 đ/c
- + Lao động tiên tiến: 15

Trên đây là Báo cáo thường niên năm học 2024 về thực hiện công khai trong hoạt động của trường THCS Cổ Bì (theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)./.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



HIỆU TRƯỞNG
NGUYỄN THU HƯƠNG